HB 1781

NGHỊ ĐỊNH THƯ

về việc trao đổi hàng hoá của công dân cư trú trong khu vực biên giới Việt nam - Lào

giữa

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

và

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

****

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào;

Căn cứ vào Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 18 tháng 7 năm 1977;

Căn cứ Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 18 tháng 7 năm 1977 và Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia hai nước ký ngày 24 tháng 1 năm 1986;

Căn cứ Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia giữa Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 1 tháng 3 năm 1990;

Căn cứ vào Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào năm 1992 và thời kỳ 1992-1995 ký ngày 15 tháng 2 năm 1992;

Nhằm tạo điều kiện cho công dân cư trú trong khu vực biên giới Việt nam-Lào qua lại mua bán trao đổi hàng hoá thiết yếu cho đời sống hàng ngày, cho sản xuất, thăm viếng người thân, phù hợp với phong tục tập quán và mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt nam - Lào;

Đã quyết định ký Nghị định thư về việc trao đổi hàng hoá của công dân cư trú trong khu vực biên giới Việt nam - Lào như sau:

97

ĐIỀU 1

Công dân cư trú tại các xã hoặc đơn vị hành chính tương đương của Việt nam và bản hoặc đơn vị hành chính tương đương của Lào, nơi có đường biên giới tiếp giáp giữa hai nước, có chứng minh thư hoặc giấy chứng nhận biên giới, được qua cửa khẩu chính do Chính phủ hai nước quy định hoặc cửa khẩu phụ do chính quyền cấp tỉnh của hai nước, nơi có đường biên giới chung thoả thuận quy định, để trao đổi hàng hoá, quà biếu phù hợp với luật pháp của mỗi nước.

ĐIỀU 2

Hàng hóa, vật phẩm được phép trao đổi tại biên giới hai nước được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu với điều kiện phải là hàng hoá thiết yếu cho đời sống hàng ngày của nhân dân không mang tính chất buôn bán, không thuộc danh mục hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc hàng xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện và là hàng hoá sản xuất tại Việt nam và Lào theo định mức quy định tại Điều 3 Nghị định thư này.

Đối với vật phẩm dùng làm quà biếu không thể cắt rời, đặc biệt là quà biếu theo phong tục tập quán, dù trị giá cao hơn mức quy định vẫn được miễn thuế khi đưa qua cửa khẩu.

Hàng hoá có xuất xứ từ nước thứ ba, khi trao đổi qua biên giới, thực hiện theo luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của mỗi nước.

ĐIỀU 3

Định mức miễn thuế đối với quà biếu, hàng hóa trao đổi qua biên giới mỗi lượt không được vượt quá trị giá 500.000 đồng Việt nam tương đương với 45.000 kíp Lào và chỉ được hưởng mỗi tuần một lượt.

Trường hợp giá trị hàng hoá vượt định mức trên, người có hàng hoá phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu phần vượt định mức và chấp hành mọi chế độ quy định của Hải quan mỗi nước.

ĐIỀU 4

Hàng hoá được phép trao đổi và quà biếu khi đưa qua cửa khẩu, phải thực hiện đầy đủ các thủ tục hải quan và vệ sinh kiểm dịch theo quy định của Chính phủ mỗi nước.

Công dân trong khu vực biên giới phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quản lý ngoại hối của mỗi nước.

Trong từng giai đoạn, Hải quan hai Bên thông báo cho nhau danh mục hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và công bố, niêm yết công khai để công dân cư trú trong khu vực biên giới biết và thực hiện.

ĐIỀU 5

Mỗi Bên ký kết phải xử lý nghiêm minh theo pháp luật của bên mình những người, trong khi trao đổi hàng hoá qua biên giới, có hành vi vi phạm pháp luật hải quan, buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hoá, ngoại hối, đồng Việt nam, kíp Lào.

ĐIỀU 6

Nghị định thư này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết năm 1998 và tiếp tục có giá trị thêm từng năm một, nếu một Bên ký kết không thông báo bằng văn bản ý định muốn huỷ bỏ Nghị định thư này cho Bên kia biết 3 (ba) tháng trước khi Nghị định thư hết hạn.

Trong quá trình thực hiện, Nghị định thư này có thể được sửa đổi và bổ sung, nếu hai Bên thoả thuận bằng văn bản.

Làm tại Hà nội ngày 8 tháng 8 năm 1997 thành hai bản chính, mỗi bản bằng tiếng Việt nam và tiếng Lào, cả hai văn bản đều có giá trị ngang nhau.

Thay mặt Chính phủ **Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa** **Việt nam**	**Thay mặt Chính phủ** **Nước Cộng hoà dân chủ nhân dân** **Lào**
PHAN VĂN DĨNH **Tổng cục trưởng** **Tổng cục Hải quan**	**KHĂMSÍNG XAYNHACON** **Đại sứ đặc mệnh toàn quyền** **tại Việt Nam**

ອະນຸສັນຍາ
ວ່າດ້ວຍການແລກປ່ຽນສິນຄ້າເຄື່ອງຂອງ
ຂອງພົນລະເມືອງ
ທີ່ຕັ້ງພູມລຳເນົາຢູ່ເຂດຊາຍແດນລາວ-ຫວຽດນາມ
ລະຫວ່າງ
ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສປປລາວ
ແລະ
ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສສ ຫວຽດນາມ

****

ລັດຖະບານ ສປປລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ສສ.ຫວຽດນາມ:

ອີງຕາມສົນທິສັນຍາມິດຕະພາບ ແລະ ການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງ ສປປລາວ ແລະ ສສ.ຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ລົງນາມຮ່ວມກັນ ເມື່ອວັນທີ 18 / 7 / 1977;

ອີງຕາມສົນທິສັນຍາວ່າດ້ວຍການກຳນົດເສັ້ນຊາຍແດນ ສປປລາວ ແລະ ສສ.ຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ລົງນາມເມື່ອວັນທີ 18/7/1977 ແລະ ສົນທິສັນຍາເພີ້ມເຕີມສົນທິສັນຍາວ່າດ້ວຍການກຳນົດເສັ້ນຊາຍແດນປະເທດ ລະຫວ່າງ ສອງປະເທດທີ່ໄດ້ລົງນາມເມື່ອວັນທີ 24/1/1986;

ອີງຕາມສັນຍາວ່າດ້ວຍລະບຽບຊາຍແດນປະເທດ ລະຫວ່າງ ສປປລາວ ແລະ ສສ.ຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ລົງນາມ ວັນທີ 01/ 3 /1990;

ອີງຕາມສັນຍາວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືເສດຖະກິດ-ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ-ເຕັກນິກ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສປປລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສສ.ຫວຽດນາມ ປີ 1992 ແລະ ໄລຍະປີ 1992-95 ທີ່ໄດ້ລົງນາມເມື່ອວັນທີ 15/2/ 1992;

ແນໃສ່ເພື່ອສ້າງຄວາມສະດວກໃຫ້ແກ່ພົນລະເມືອງ ເຊິ່ງອາໃສຢູ່ຕາມເຂດຊາຍແດນ ຂອງ ສປປລາວ ແລະ ຂອງ ສສ.ຫວຽດນາມ ທີ່ຂ້າມຊາຍແດນໄປມາແລກປ່ຽນສິນຄ້າເຄື່ອງຂອງອັນຈຳເປັນເພື່ອແກ້ໄຂຊີວິດການເປັນຢູ່ປະຈຳວັນ, ຮັບໃຊ້ການຜະລິດ, ຢັ້ງຢາມຍາດພີ່ນ້ອງໂດຍໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບຣີດຄອງປະເພນີ ແລະ ການພົວພັນມິດຕະພາບແບບພິເສດ ລະຫວ່າງ ລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ;

ໄດ້ຕົກລົງເຊັນອະນຸສັນຍາ ວ່າດ້ວຍການແລກປ່ຽນສິນຄ້າເຄື່ອງຂອງໆພົນລະເມືອງທີ່ຕັ້ງພູມລຳເນົາຢູ່ເຂດຊາຍແດນລາວ-ຫວຽດນາມດັ່ງລຸ່ມນີ້ :

ມາດຕາ 1

ພົນລະເມືອງທີ່ຕັ້ງພູມລຳເນົາຢູ່ຕາມໝູ່ບ້ານ (ຫລືທຽບເທົ່າ) ຂອງລາວ ແລະ ຢູ່ຕາມ ຕາແສງ (ຫລື ທຽບເທົ່າ) ຂອງຫວງດນາມລຽບຕາມເສັ້ນຊາຍແດນສອງປະເທດ. ເວລາຂ້າມຊາຍແດນໄປມາເພື່ອ ແລກປ່ຽນສິນຄ້າ ແລະ ໃຫ້ເຄື່ອງຝາກຂອງຕ້ອນໂດຍສອດຄ່ອງກັບລະບຽບກົດໝາຍຂອງແຕ່ລະປະ ເທດນັ້ນ ຕ້ອງຜ່ານປະຕູດ່ານທາງການຂອງສອງລັດຖະບານກຳນົດ ຫລືປະຕູດ່ານສຳຮອງ ຊຶ່ງແມ່ນ ອຳນາດການປົກຄອງຂັ້ນແຂວງຊາຍແດນຂອງສອງປະເທດໄດ້ກຳນົດ ແລະ ຕ້ອງມີບັດປະຈຳຕົວ ຫລື ໃບຢັ້ງຢືນທີ່ຢູ່ຕິດຕາມໄປພ້ອມ.

ມາດຕາ 2

ສິນຄ້າເຄື່ອງຂອງທີ່ແລກປ່ຽນຢູ່ຕາມເຂດຊາຍແດນ ຈະໄດ້ຮັບອະນຸຍາດຍົກເວັ້ນພາສີຂາ ອອກ-ຂາເຂົ້າ ຕ້ອງແມ່ນສິນຄ້າເຄື່ອງຂອງທີ່ຈຳເປັນແກ່ຊີວິດການເປັນຢູ່ປະຈຳວັນຂອງປະຊາຊົນ ເຊິ່ງບໍ່ມີຈຸດປະສົງທາງດ້ານການຄ້າຂາຍ ບໍ່ຢູ່ໃນລາຍການສິນຄ້າປະເພດເກືອດຫ້າມຂາອອກ-ຂາ ເຂົ້າ ຫລື ສິນຄ້າທີ່ຢູ່ພາຍໃຕ້ການຄວບຄຸມສະເພາະ ແລະ ຕ້ອງແມ່ນສິນຄ້າທີ່ຜະລິດຢູ່ ສປປ ລາວ ແລະ ຢູ່ ສສ.ຫວງດນາມ ຕາມມູນຄ່າທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ຢູ່ໃນມາດຕາ 3 ຂອງອະນຸສັນຍາ ສະບັບນີ້.

ສຳລັບເຄື່ອງຕ້ອນຂອງຂວັນທີ່ບໍ່ສາມາດແຍກອອກກັນໄດ້ນັ້ນ ພິເສດແມ່ນເຄື່ອງຝາກຂອງ ຕ້ອນຕາມຮີດຄອງປະເພນີ ເຊິ່ງບໍ່ແມ່ນປະເພດເກືອດຫ້າມ ຂາອອກ-ຂາເຂົ້າ ນັ້ນເຖິງແມ່ນວ່າ ມູນຄ່າຈະສູງກວ່າຕາມທີ່ກຳນົດໄວ້ ກໍຈະຮັບອະນຸຍາດໃຫ້ຜ່ານປະຕູດ່ານໂດຍບໍ່ຕ້ອງເສັຍພາສີຂາ ອອກ-ຂາເຂົ້າ.

ສ່ວນສິນຄ້າທີ່ຜະລິດຈາກປະເທດທີ່ສາມ ເມື່ອມີການແລກປ່ຽນຂ້າມຊາຍແດນແມ່ນຕ້ອງ ປະຕິບັດຕາມລະບຽບກົດໝາຍພາສີຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

ມາດຕາ 3

ມູນຄ່າສິນຄ້າເຄື່ອງຂອງທີ່ເປັນເຄື່ອງຝາກຂອງຕ້ອນ ແລະ ເຄື່ອງຂອງແລກປ່ຽນຂ້າມຊາຍ ແດນ ແຕ່ລະຄັ້ງທີ່ຖືກຍົກເວັ້ນພາສີ ຂາອອກ-ຂາເຂົ້າ ແມ່ນບໍ່ໃຫ້ເກີນມູນຄ່າຄິດໄລ່ເປັນເງິນ ກີບເທົ່າກັບ 45.000 ກີບ ຫລືເປັນເງິນດົ້ງຫວງດນາມ 500.000 ດົ້ງ ຕໍ່ຄົນໃນນັ້ນອະນຸຍາດຍົກ ເວັ້ນໃຫ້ພຽງແຕ່ອາທິດລະຄັ້ງເທົ່ານັ້ນ.

ໃນກໍລະນີທີ່ມູນຄ່າສິນຄ້າເຄື່ອງຂອງ ຫາກເກີນຈຳນວນທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ຂ້າງເທິງນີ້, ຜູ້ເປັນ ເຈົ້າຂອງສິນຄ້າເຄື່ອງຂອງຈະຕ້ອງເສັຍຄ່າພາສີ ຂາອອກ-ຂາເຂົ້າ ສຳລັບສ່ວນເກີນແມ່ນປະຕິ ບັດຕາມລະບຽບກົດໝາຍຂອງພາສີແຕ່ລະປະເທດ.

ມາດຕາ 4

ສິນຄ້າເຄື່ອງຂອງທີ່ແລກປ່ຽນ ແລະເປັນເຄື່ອງຝາກຂອງຕ້ອນຜ່ານປະຕູດ່ານ ຕ້ອງປະຕິບັດຕາມລະບຽບກົດໝາຍພາສີ ແລະ ຜ່ານການກວດກາພະຍາດຕິດແປດຈາກລັດຖະບານທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງແຕ່ລະປະເທດຢ່າງຄົບຖ້ວນ.

ພົນລະເມືອງທີ່ຢູ່ຕາມຊາຍແດນ ຕ້ອງປະຕິບັດຕາມລະບຽບການຄຸ້ມຄອງເງິນຕາຕ່າງປະເທດຂອງແຕ່ລະປະເທດຢ່າງຖືກຕ້ອງ ແລະ ເຂັ້ມງວດ.

ໃນແຕ່ລະໄລຍະພາສີທັງສອງຝ່າຍ ຕ້ອງແຈ້ງລາຍການສິນຄ້າຫ້າມອອກ-ຫ້າມເຂົ້າໃຫ້ກັນ ແລະ ກັນຊາບພ້ອມທັງປະກາດໃຫ້ປະຊາຊົນຢູ່ຕາມຊາຍແດນເພື່ອໄດ້ຮັບຮູ້ ແລະ ປະຕິບັດຕາມ.

ມາດຕາ 5

ຄູ່ສັນຍາຕ້ອງມີມາດຕະການອັນເໝາະສົມ ຕາມລະບຽບກົດໝາຍຂອງຝ່າຍຕົນຕໍ່ຜູ້ທີ່ມີການລະເມີດກົດໝາຍພາສີ, ຄ້າຂາຍເຖື່ອນ ຫລື ຂົນສົ່ງສິນຄ້າ, ເງິນກີບຂອງລາວ, ເງິນດົ່ງຂອງ ຫວຽດນາມ ຫລື ເງິນຕາຕ່າງປະເທດຢ່າງຜິດກົດໝາຍໃນເວລາແລກປ່ຽນສິນຄ້າຕາມຊາຍແດນ.

ມາດຕາ 6

ອະນຸສັນຍາສະບັບນີ້ ມີຜົນສັກສິດນັບແຕ່ມື້ລົງລາຍເຊັນເປັນຕົ້ນໄປຈົນເຖິງສິ້ນ ປີ 1998 ແລະ ຫລັງຈາກນັ້ນຈະມີຜົນນຳໃຊ້ໄດ້ໄປໃນຕົວຄັ້ງລະໜຶ່ງປີຖ້າວ່າຝ່າຍໃດໜຶ່ງ ຂອງຄູ່ສັນຍາຫາກບໍ່ແຈ້ງຈຸດປະສົງຢາກລົບລ້າງສັນຍາສະບັບນີ້ ໃຫ້ອີກຝ່າຍໜຶ່ງຊາບ ລ່ວງໜ້າເປັນລາຍລັກອັກສອນສາມເດືອນ ກ່ອນອະນຸສັນຍາຈະສິ້ນກຳນົດ.

ໃນໄລຍະປະຕິບັດອະນຸສັນຍາສະບັບນີ້ ອາດຈະມີການດັດແປງເພີ່ມເຕີມເວລາໃດກໍໄດ້ ຖ້າວ່າຄູ່ສັນຍາຫາກຕົກລົງກັນຢ່າງເປັນລາຍລັກອັກສອນ.

ເຮັດທີ່ ຮ່າໂນຍ ວັນທີ 8 ສິງຫາ (8) 1997 ເປັນສອງສະບັບ, ແຕ່ລະສະບັບເປັນພາສາລາວ ແລະ ພາສາຫວຽດນາມ, ທັງສອງສະບັບລ້ວນແຕ່ມີຄຸນຄ່າເທົ່າທຽມກັນ.

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ	ຕາງໜ້າລັດຖະບານ
ແຫ່ງ ສ.ປ.ປ.ລາວ	ແຫ່ງ ສສ.ຫວຽດນາມ
ຄຳສິງ ໄຊຍະກອນ	ຟານ ວັນ ຍິ໋ງ
ເອກອັກຄະລັດຖະທູດວິສາມັນຜູ້ມີອຳນາດເຕັມ	ຫົວໜ້າສະຫະກົມພາສີ

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 56 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH
(Để thực hiện)

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 1997

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng

Phạm Hào

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ (để b/c),
- Bộ Thương mại,
- Bộ Quốc phòng,
- Tổng cục Hải quan,
- Ban Biên giới của CP,
- ĐSQ Việt Nam tại Lào,
- Vụ châu Á 2,
- Vụ TH Kinh tế,
- Vụ LPQT,
- LT (10b).